

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN L

TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 102/2019/HS-ST

Ngày: 30/11/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các hội thẩm nhân dân 1. Ông: Trương Thành Hải.

2. Bà: Nguyễn Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết- Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 101/2019/TLST-HS ngày 13/11/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 107/2019/QĐXXST-HS ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh đối với các bị cáo:

1.1 Điều Đăng T, sinh ngày 15/4/2001 tại; Bình Phước; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12 Dân tộc: S Tiêng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Điều Đăng L, sinh năm: 1978 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1982; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 10/7/2019 TAND huyện Đ xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án; Tiền sự: không.

Bị bắt từ ngày 20/9/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

1.2 Võ Minh L, sinh ngày 14/4/2001 tại Vĩnh Long; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12 Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Võ Văn T, sinh năm: 1970 và bà Mai Thị P, sinh năm: 1967; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; Tiền sự: không.

Bị bắt từ ngày 20/9/2019 cho đến ngày 06/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện L thay thế biện pháp ngăn chặn, cho bảo lãnh; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bị hại: Phan Phi N sinh năm 2004.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị H sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước..

Anh Nguyễn Trung P1 sinh ngày 30/11/2002.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Nguyễn Thanh L sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 20/9/2019 tại nhà của Nguyễn Minh L gồm có Điều Đăng T, Nguyễn Trung P1, Lê Thị Minh A chơi tại nhà L thì L có mượn xe mô tô nhãn hiệu Exicter biển số 93G-175.11 của P1 chở T đi mua đồ ăn, Khi đến chợ T, huyện Đ, T đã nói với L đi tìm xe để trộm. L đồng ý sau đó T điều khiển xe mô tô chở L từ Chợ T, huyện Đ xuống khu vực cây xăng thị trấn L nhưng không tìm được xe để trộm. T điều khiển xe quay trở về huyện Đ. Đi theo quốc lộ 13 đến ấp 5A, xã T huyện L, tỉnh Bình Phước T nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius đang để phía bên đường T dừng xe lại còn L ngồi lại trên xe, T đi đến vị trí xe Yamaha Sirius dùng cây đoản bẻ khóa sau đó khởi động máy chị N và chị D nghe tiếng máy xe nổ nên chạy ra giữ lại xe nhưng không được. Lấy được xe T và L chạy về nhà của L, sau đó L gọi điện thoại cho L1 (không rõ nhân thân) hỏi bán xe, L1 đồng ý nên L đem xe lên thôn 3, xã T, huyện Đ giao xe cho L1 nhưng chưa lấy tiền.

Chi N sau khi mất xe đã trình báo cơ quan Công an, qua truy xét đã phát hiện T và L là người thực hiện vụ trộm xe của chị N tại ấp 5A xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bản cáo trạng số 98/CT-VKSLN ngày 13/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Điều Đăng T và Võ Minh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Điều Đăng T và Võ Minh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b,s khoản 1,2 điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điều 38,17,58 điều 56, khoản 5 điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Điều Đăng T mức án từ 09 đến 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 35/2019/HSST ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm h,i s khoản 1,2 điều 51,17,58 và điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Võ Minh L mức án từ đến 09 đến 12 tháng tù.Cho hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: các bị cáo đã ăn năn hối cải trong thời gian tam giam và mong được hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về địa điểm xảy ra vụ án và toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 12 giờ ngày 20/9/2019 Điều Đăng T và Võ Minh L đã lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Yamaha-Siruis của chị Phan Thị N tại ấp 5A xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 14/9/2019/KL-HĐĐGTS ngày 25/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại Sirius có giá trị giá là 13.160.000đ.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ.

[3] Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm tài sản cũng như tại phiên tòa công khai, bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự nên các bị cáo chịu trách nhiệm bởi hành vi của mình. Bị cáo là người đang trong độ tuổi lao động có sức khỏe nhưng các bị cáo không tìm công việc thích hợp để tạo ra thu nhập hợp pháp ngược lại đi tìm tài sản trộm cắp.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình với lỗi cố ý. Do đó, cần có một hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất và hậu quả của vụ án.

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc phân công cụ thể trước khi đi trộm cắp, khi L mượn được xe của P để đi mua đồ ăn, T đi cùng chỉ khi đến chợ T, T rủ L đi đến huyện L tìm xe để trộm L đồng ý.

Tuy nhiên, cần phân tích vai trò của mỗi bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với mức độ và hậu quả của các bị cáo. Đối với bị cáo T giữ vai trò chính tích cực nhất, bị cáo vừa là người khởi sự, gợi ý khi L đồng ý chính T là người chở L đi, sau đó khi phát hiện thấy tài sản, T cũng là người trực tiếp lấy tài sản.

Đối với L vai trò thứ yếu đồng phạm trong việc giúp sức cho T. Khi trộm được tài sản L chính là người đem đi tiêu thụ.

Như vậy khi áp dụng dùng phạt, bị cáo T phải bị xử mức phạt cao hơn L.

Đối với người tên L1 mua tài sản do trộm cắp mà có, cơ quan điều tra chưa làm việc được với đối tượng tên L1 nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Nguyễn Trung P là người trực tiếp cho L mượn xe cùng với T đi trộm tài sản, P hoàn toàn không biết việc T, L trộm tài sản kể cả việc tiêu thụ nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm của P.

Xét về nhân thân: bị cáo T là người đang chấp hành án treo trong thời gian thử thách lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự. Đồng thời chịu tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 5 điều 65 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo L nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, số tiền 20.000.000đ, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s,h khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo L còn được thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là Điều Đăng T và cho bị cáo Võ Minh L hưởng án treo phù hợp được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô Exciter Phong cho L mượn, tuy là phương tiện T và L dùng vào việc phạm tội nhưng do chủ sở hữu không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định.

03 cây đoản sắt ,01 biển số xe mô tô,01 cái tu vít,01 cái chìa khóa dùng mở ổ, 01 cái giỏ kim loại thu giữ trong quá trình điều tra, không có giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Điều Đăng T và Võ Minh L phạm tội: “Tội trộm cắp tài sản”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,s khoản 1,2 Điều 51, 17,58 38 của Bộ luật hình sự; Khoản 5 điều 65, điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Điều Đăng T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án số 35/2019/HSST ngày 10/7/2019 thành hình phạt chung là 01(một) năm 09(chín) tháng tù. Thời gian tính từ từ ngày 20/9/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,h,s,i khoản 1,2 Điều 51, 17,58, 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Minh L 01 (một) năm tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

[3] Vật chứng vụ án: Áp dụng điều 106 của ộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tịch thu tiêu hủy: 03 cây đoản sắt ,01 biển số xe mô tô,01 cái tu vít,01 cái chìa khóa dung mở ốc, 01 cái giỏ kim loại.

(Vật chứng đã được chuyển và mô tả rõ tại biên bản giao nhận số 0006680 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh)

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Điều Đăng T và Võ Minh L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niên yết.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện L;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNV CA L
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Liêm